TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thịnh

Ông Nguyễn Ngọc Luân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23-02-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc: "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2024/QĐXX-ST ngày 02-02-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N T A, sinh năm 1985. Căn cước công dân số số 030185000230 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2022. Nơi thường trú: Tổ 25, phường N T, quận L B, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh N M H, sinh năm 1991. Hộ chiếu số N1777354 do Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt, CHLB Đức cấp ngày 12/5/2016; Địa chỉ: V-B-S, 74172 N, CHLB Đức.

Chị A có mặt; anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị N T A trình bày:

Về tình cảm: Chị N T A và anh N M H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận L B, Thành phố Hà Nội vào ngày 01/9/2016. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn, anh N M H trở về Cộng hòa liên bang Đức sinh sống và làm việc. Ban đầu, vợ chồng còn thường xuyên liên lạc nhưng sau ít dần. Chị A không có nguyện vọng sang Đức sinh sống, anh H không có ý định trở về Việt Nam. Chị A nhận thấy vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N M H.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt am Main - Cộng hòa liên bang Đức, bị đơn là anh N M H trình bày:

Anh N M H và chị N T A tự nguyện kết hôn ngày 01/09/2016 tại Ủy ban nhân dân quận L B, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau dần không còn tình cảm do nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống đối lập. Hiện tại vợ chồng không chung sống với nhau, khoảng cách địa lý quá xa khiến vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau được nữa. Anh chị đã bàn bạc và thống nhất đồng ý thuận tình ly hôn để cuộc sống mỗi người dễ dàng hơn. Anh H đồng ý ly hôn với chị A, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh H đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên anh H có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị A nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị N T A có mặt, đồng ý nhận sự ủy quyền của anh H và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Bị đơn là anh N M H vắng mặt, đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về tố tụng: Bị đơn là anh N M H hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có ủy quyền nhận văn bản hợp lệ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung: Chị N T A và anh N M H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/09/2016 tại UBND quận L B, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy vợ chồng ở hai nước khác nhau, thực tế không chung sống đã lâu, mâu thuẫn kéo dài nên xác định mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cũng đã có văn bản thống nhất thuận tình ly hôn với chị A. Do vậy, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị A và anh H.

Về con chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn là anh N M H là công dân Việt Nam, đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh N M H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt hợp lệ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về tình cảm: Anh N M H và chị N T A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/09/2016 tại Ủy ban nhân dân quận L B, Thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H trở về Cộng hòa liên bang Đức sinh sống và làm việc. Cuộc sống vợ chồng xa cách, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Sau khi Tòa án tiến hành ủy thác tống đạt văn bản tố tụng qua Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức cho anh H, anh H đã có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, thể hiện quan điểm nhất trí với đơn ly hôn của chị A và đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai ổn định cuộc sống. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Giành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N T A với anh N M H.

Chị N T A và anh N M H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí: Chị N T A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022887 ngày 25/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, chị N T A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N T A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh N M H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Cục THADS TP. Hà Nội;*
- *UBND quận Long Biên, TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết